

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**LÝ LỊCH KHOA HỌC**

(Dành cho ứng viên/thành viên các Hội đồng Giáo sư)



**1. Thông tin chung**

- Họ và tên: PHẠM THỊ MINH HUỆ
- Năm sinh: 1965
- Giới tính: Nữ
- Trình độ đào tạo (TS, TSKH) (năm, nơi cấp bằng): TS, 2004, Bộ giáo dục và Đào tạo
- Chức danh Giáo sư hoặc Phó giáo sư (năm, nơi bổ nhiệm): GS, 2017, Trường Đại học Dược Hà Nội

- Ngành, chuyên ngành khoa học: Dược học, Công nghệ dược phẩm và Bào chế thuốc
- Chức vụ và đơn vị công tác hiện tại (hoặc đã nghỉ hưu từ năm): Trưởng Bộ môn Bào chế, Trường đại học Dược Hà Nội
- Chức vụ cao nhất đã qua: Trưởng bộ môn
- Thành viên Hội đồng Giáo sư cơ sở (nếu có) (năm tham gia, tên hội đồng, cơ sở đào tạo):  
2016, Trường đại học dược Hà Nội  
2019, Trường đại học dược Hà Nội
- Thành viên Hội đồng Giáo sư ngành (nếu có) (năm tham gia, tên hội đồng, nhiệm kỳ):  
2019, Dược học, 2018-2023.
- Thành viên Hội đồng Giáo sư nhà nước (nếu có) (năm tham gia, tên hội đồng, nhiệm kỳ):

**2. Thành tích hoạt động đào tạo và nghiên cứu (thuộc chuyên ngành đang hoạt động)**

**2.1. Sách chuyên khảo, giáo trình**

a) Tổng số sách đã chủ biên: 01 sách chuyên khảo; 01 giáo trình.

b) Danh mục sách chuyên khảo, giáo trình trong 05 năm liền kề với thời điểm được bổ nhiệm thành viên Hội đồng gần đây nhất (tên tác giả, tên sách, nhà xuất bản, năm xuất bản, mã số ISBN, chỉ số trích dẫn).

- Phạm Thị Minh Huệ (CB), Nguyễn Thanh Hải, *Liposome, Phytosome- phỏng sinh học trong bào chế* (CK), 2017, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 978-604-62-8359-1.
- Phạm Thị Minh Huệ (CB), Vũ Thị Thu Giang, *Kỹ thuật bào chế các dạng thuốc từ dược liệu* (GT) NXB Y Học, 2017, 978-604-66-2812-5.

**2.2. Các bài báo khoa học được công bố trên các tạp chí khoa học**

a) Tổng số đã công bố: 94 bài báo tạp chí trong nước; 19 bài báo tạp chí quốc tế.

b) Danh mục bài báo khoa học công bố trong 05 năm liền kề với thời điểm được bổ nhiệm thành viên Hội đồng gần đây nhất (*tên tác giả, tên công trình, tên tạp chí, năm công bố, chỉ số IF và chỉ số trích dẫn - nếu có*):

- Trong nước:

1. **P.T.M.Huệ**, V.T.H.Hạnh, H.T.K.Ngọc, P.T.Dũng, N.T.Hải, Nghiên cứu bào chế viên nén cefaclor giải phóng kéo dài, Dược Học, 2015
2. N.T.Quang, **P.T.M.Huệ**, Nghiên cứu bào chế liposome AMB, Khoa học công nghệ Việt Nam, 2015.
3. T.T.V.Anh, N.V.Thịnh, **P.T.M.Huệ**, Đ.V.Hưng, Đánh giá SKD của viên nén metformin giải phóng kéo dài trên chó thực nghiệm, Y Dược Học Quân Sự, 2016.
4. Đ.M.Huy, **P.T.M.Huệ**, Pha cubic và cubosom: Khái niệm, cấu trúc, ứng dụng, Dược Học, 2016.
5. N.T.Tùng, N.T.Hương, N.H.Tuấn, **P.T.M.Huệ**, Nghiên cứu bào chế viên theophyllin giải phóng theo nhịp bằng phương pháp bao bồi Nghiên cứu Dược và thông tin thuốc, 2016.
6. T.T.H.Yến, D.T.Thuấn, T.V.Phương, P.X.Thắng, **P.T.M.Huệ**, Nghiên cứu bào chế phức hợp lipid amphotericin B, Dược Học, 2016
7. n.V.Hà, N.V.Khanh, V.T.T.Giang, N.H.Uyên, **P.T.M.Huệ**, Nghiên cứu xây dựng công thức viên nén venlafaxin giải phóng kéo dài dạng bơm thẩm, thấu qui ước, Dược Học, 2016.
8. Đ.M.Huy, **P.T.M.Huệ**, Pha cubic và cubosom: Phương pháp bào chế và đánh giá, Dược Học, 2016.
9. B.T.Tùng, P.K.Son, **P.T.M.Huệ**, N.T.Hải, Curcumin PEG hoá và triển vọng ứng dụng, KH ĐH Quốc gia: Khoa học Y Dược, 2016.
10. V.T.H.Hạnh, **P.T.M.Huệ**, Nghiên cứu bao bảo vệ viên cefaclor giải phóng kéo dài, KH ĐH Quốc gia: Khoa học Y Dược, 2016.
11. N.H.Trang, Đ.T.H.Thúy, V.T.T.Giang, **P.T.M.Huệ**, Đ.V.Hùng, Nghiên cứu bào chế phytosome quercetin- lecithin bằng phương pháp bốc hơi dung môi, Nghiên cứu Dược và thông tin thuốc, 2016.
12. T.T.H.yến, D.T.Thuấn. P.T.L.Na, **P.T.M.Huệ**, T.V.Phương, P.X.Thắng, Nghiên cứu đánh giá phức hợp lipid amphotericin B bằng các phương pháp vật lý, Nghiên cứu Dược và thông tin thuốc, 2016.
13. N.V.Lâm, N.T.H.Thúy, N.T.Tùng, **P.T.M.Huệ**, Lựa chọn chất hoá dẻo cho lớp bao bồi viên berberin giải phóng tại đại tràng bằng kỹ thuật phân tích nhiệt vi sai điều biến nhiệt, Nghiên cứu Dược và thông tin thuốc, 2016.
14. N. H. Trang, Đ. B. H. Tùng, V.T.T.Giang, **P.T.M.Huệ**, Nghiên cứu bào chế phytosome quercetin bằng phương pháp bốc hơi dung môi, Nghiên cứu Dược và thông tin thuốc, 2016.
15. T.T.H.Yến, V.T.Hương, **P.T.M.Huệ**, Bào chế liposome indomethacin bằng kỹ thuật vi dòng chảy, Nghiên cứu Dược và thông tin thuốc, 2016.
16. N.T.Quang, N.V.Lâm, N.T.Son, **P.T.M.Huệ**, Khảo sát một số phương pháp giảm kích thước tiểu phân liposome amphotericin B, Y dược học QS, 2016.

17. V.T.T.Huyền, **P.T.M.Huệ**, N.T.K.Anh, T.M.Hùng, N.T.Hải, Đánh giá tương đương sinh học viên felodipin giải phóng kéo dài theo cơ chế bơm thẩm thấu, Y dược học QS, 2016.
18. V.X.Minh, N.V.Bạch, **P.T.M.Huệ**, Khảo sát ảnh hưởng của tá dược đến thời gian tiềm tàng của viên diltiazem giải phóng theo nhịp theo phương pháp bao dập, Y dược học QS, 2016.
19. N.H.Trang, V.T.T.hà, V.T.T.Giang, **P.T.M.Huệ**, Nghiên cứu bào chế phytosome quercetin bằng phương pháp kết tủa trong dung môi, Dược Học, 2016.
20. B.T.Tùng, N.T.Chuyên, **P.T.M.Huệ**, N.T.Hải, T.M.Koóng, Dược di truyền bệnh tiểu đường và những tiến bộ trong điều trị tiểu đường type 2 (Phần 1,2), Dược Học, 2017.
21. N.T.Hải, B.T.Tùng, **P.T.M.Huệ**, Phòng sinh học trong bào chế- Hướng nghiên cứu cần được đẩy mạnh, KH ĐH Quốc gia: Khoa học Y Dược, 2017.
22. **P.T.M.Huệ**, N.V.Bạch, S.Phommasome, Nghiên cứu bào chế viên nén acid nicotinic giải phóng kéo dài 24 giờ, KH ĐH Quốc gia: Khoa học Y Dược, 2017.
23. V.T.T.Giang. C.T.Oanh, B.M.Huong, N.H.Trang, **P.T.M.Huệ**, Nghiên cứu biện pháp tăng độ ổn định phytosome quercetin, Nghiên cứu Dược và thông tin thuốc, 2017.
24. H.N.Hà, **P.T.M.Huệ**, Polymersome: Cấu trúc, bào chế và ứng dụng trong vận chuyển thuốc, Nghiên cứu Dược và thông tin thuốc, 2017.
25. N.T.Huyền, T.T.T.Hiền, B.T.Tùng, **P.T.M.Huệ**, N.T.Hải, Phòng sinh học miễn dịch học người và ứng dụng trong y dược học, KH ĐH Quốc gia: Khoa học Y Dược, 2018.
26. B.B.Minh, **P.T.M.Huệ**, N.T.Lập, Đánh giá ảnh hưởng của PEG liposom doxorubicin và doxorubicin tự do đến một số chỉ số xét nghiệm trên thử thực nghiệm, Nghiên cứu Dược và thông tin thuốc, 2018.
27. V. T. Quỳnh, B. V. Thuần, V. T. T. Giang, **P. T. M. Huệ**, N. T. K. Thu, Nghiên cứu bào chế phytosome cao bạch quả, Dược Học, 2018.
28. T.T.H.Yến, Đ.T.Linh, V.T.Thu, L.C.Thành, H.T.Oanh, **P.T.M.Huệ**, Nghiên cứu ứng dụng kỹ thuật vi lưu để bào chế tiểu phân nano polyme, Y học TP Hồ Chí Minh, 2019.
29. T.T.Loan, D.T.Thuần, T.T.H.Yến, **P.T.M.Huệ**, Nghiên cứu bào chế liposome berberin bằng phương pháp tiêm ethanol, Dược Học, 2019.
30. T.T.H.Yến, N.V.Linh, Đ.T.Hiền, N.C.Hung, **P.T.M.Huệ**, Nghiên cứu bào chế và đánh giá vi cầu leuprolid acetat giải phóng kéo dài sử dụng poly(lactic co-glycolic) acid làm chất mang, Dược Học, 2019.
31. T.T.H.Yến, Đ.T.Linh, **P.T.M.Huệ**, Ứng dụng công nghệ vi dòng chảy trong bào chế một số hệ nano mang thuốc, KH ĐH Quốc gia: Khoa học Y Dược, 2019.
32. Đ.T.Hà., T.Hải, T.T.V.Anh, H.T.Hoa, **P.T.M.Huệ**, Nghiên cứu bào chế viên nén dạng cốt Rotundin Sulfat giải phóng kéo dài, KH ĐH Quốc gia: Khoa học Y Dược, 2019.
33. N.T.M.Anh, **P.T.M.Huệ**, Ứng dụng công nghệ in 3D trong nghiên cứu và sản xuất thuốc, Nghiên cứu Dược và thông tin thuốc, 2019.
34. T.T.H.Yến, L.T.Huyền, T.H.Nhung, L.T.T.Trang, **P.T.M.Huệ**, Đánh giá ảnh hưởng mức độ pha loãng đến kết quả xác định kích thước hệ tiểu phân nano polyme và nano liposome bằng phương pháp tán xạ ánh sáng động, KH ĐH Quốc gia: Khoa học Y Dược, 2019.

35. V.T.T.Huyền, N.T.Hải, **P.T.M.Huệ**, Đánh giá ảnh hưởng của điều kiện thử hòa tan đến giải phóng dược chất từ viên felodipin giải phóng kéo dài theo cơ chế bơm thẩm thấu kéo - đẩy, KH ĐH Quốc gia: Khoa học Y Dược, 2020.

- *Quốc tế:*

1. **Hue P. T. M.**, Linh L. P., Hai N. T., Son H. A., Tung B. T., Development and evaluation antitumor activity of PEGylated liposomal doxorubicin on tumor-bearing BALB/c-Foxn1nu mice model, Journal of Applied Pharmaceutical Science, 2015, Q2, H=24.
2. **Hue P. T. M.**, Hai N. T., Quang N. T, Anh T.L., Tung B. T., Development and Evaluation of Antifungal in vivo of Liposomal Amphotericin B, International Journal of Biological Chemistry, 2015, Q4, H=12.
3. Hai N. T., **Hue P. T. M.**, Loi V. Đ., Tung B. T., Protective Effect of Coenzyme Q10 on Methamphetamine-Induced Neurotoxicity in the Mouse Brain, Trends in Medical Research, 2016, Q4, H=8.
4. Tung. N. T., **Hue P. T. M.**, Hai N. T., Tam P. T., Quynh N. T., Pectin/HPMC dry powder coating formulations for colon specific targeting tablets of metronidazole, Journal of Drug Delivery Science and Technology, 2016, IF=2,6.
5. Yen T.T.H., Thuan D.T., Linh D.T., Khanh N.V., **Hue P. T. M.**, A facile microfluidic method for production of amphotericin B lipid complex Pharmaceutical Sciences Asia, 2017, Q4.
6. Tung. N. T., Chan C.S., **Hue P. T. M.**, Nguyen H.A., Nguyen T.L., Chi SC, Nguyen D.D., Bui T.B., Development of solidified self-microemulsifying drug delivery systems containing l-tetrahydropalmatine: Design of experiment approach and bioavailability comparison, International Journal of Pharmaceutics, 2019, IF=4,2.
7. Yen T.T.H., Dan L.N., Duc L.H., Tung B.T., **Hue P. T. M.**, Preparation and characterization of Freeze-dried liposomes loaded with amphotericin B, Current drug therapy, 2019, Q3, H=14.
8. Tung. N. T., Hung N.C., Duong N.V, Thuy N.T.H, Lam N.V., Chan C.S., **Hue P. T.M.**, Formulation and in vivo imaging evaluation of colonic targeting tablets prepared by a simple dry powder coating technique, Journal of Pharmaceutical Investigation, 2019, IF=3,22.

**2.3. Các nhiệm vụ khoa học và công nghệ** (chương trình và đề tài tương đương cấp Bộ trở lên)

a) Tổng số chương trình, đề tài đã chủ trì/chủ nhiệm: 01 cấp Nhà nước; 03 cấp Bộ và tương đương.

b) Danh mục đề tài tham gia đã được nghiệm thu trong 05 năm liền kề với thời điểm được bổ nhiệm thành viên Hội đồng gần đây nhất (*tên đề tài, mã số, thời gian thực hiện, cấp quản lý đề tài, trách nhiệm tham gia trong đề tài*):

- Development and application of dry coating technology to prepare tablets containing berberin for colon, Quỹ VLIR (Bi), 10/2014 - 10/2016, chủ trì.

- Nghiên cứu một số giải pháp nhằm cải thiện sinh khả dụng và tác dụng dược lý cho thuốc từ dược liệu áp dụng với silymarin và l-tetrahydropalmatin, 4/2017 - 4/2019, Nafosted, tham gia.

**2.4. Công trình khoa học khác (nếu có)**

- a) Tổng số công trình khoa học khác:
- b) Danh mục bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích, tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu trong 5 năm trở lại đây (*tên tác giả, tên công trình, số hiệu văn bằng, tên cơ quan cấp*):

**2.5. Hướng dẫn nghiên cứu sinh (NCS) đã có quyết định cấp bằng tiến sĩ**

- a) Tổng số: 03 NCS đã hướng dẫn chính
- b) Danh sách NCS hướng dẫn thành công trong 05 năm liền kề với thời điểm được bổ nhiệm thành viên Hội đồng gần đây nhất (*Họ và tên NCS, đề tài luận án, cơ sở đào tạo, năm bảo vệ thành công, vai trò hướng dẫn*):

- Trần Thị Vân Anh, Nghiên cứu bào chế và đánh giá sinh khả dụng của viên nén metformin giải phóng kéo dài, Học viện Quân Y, 2016, HDC.
- Khánh Thị Nhi, Nghiên cứu bào chế thuốc tiêm chứa liposome doxorubicin, Học viện Quân Y, 2017, HDC.

**3. Các thông tin khác**

**3.1. Danh mục các công trình khoa học chính trong cả quá trình** (*Bài báo khoa học, sách chuyên khảo, giáo trình, sáng chế, giải pháp hữu ích, tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu...; khi liệt kê công trình, có thể thêm chú dẫn về phân loại tạp chí, thông tin trích dẫn...)*:

**3.2. Giải thưởng về nghiên cứu khoa học trong và ngoài nước (nếu có):**

**3.3. Các thông tin về chỉ số định danh ORCID, hồ sơ Google scholar, H-index, số lượt trích dẫn (nếu có):**

**3.4. Ngoại ngữ**

- Ngoại ngữ thành thạo phục vụ công tác chuyên môn: tiếng Anh
- Mức độ giao tiếp bằng tiếng Anh: Thành thạo

*Tôi xin cam đoan những điều khai trên là đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.*

Hà Nội, ngày 04 tháng 05 năm 2020

**NGƯỜI KHAI**

(Ký và ghi rõ họ tên)



Phạm Thị Minh Huệ